

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN: NGỮ VĂN
KHỐI 9 (TUẦN LỄ TỪ 18 ĐẾN 23/10/2021)

Tên bài học Chủ đề	Những nội dung chính cần ghi nhớ (HS ghi vào tập)	Hướng dẫn tự học
Đồng chí	I. TÌM HIỂU CHUNG	Học sinh đọc SGK từ trang 129 đến 130.
	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính a. Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân Quê hương tôi nước mặn đồng chua Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá. Anh với tôi đôi người xa lạ Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau. Thành ngữ, giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, ngôn ngữ của đời sống dân dã, mộc mạc. Tác giả đã lí giải cơ sở hình thành tình đồng chí thấm thiết, sâu nặng của những người lính Cách mạng. b. Cùng chung mục đích, lí tưởng chiến đấu Súng bên súng, đầu sát bên đầu Biện pháp nghệ thuật điệp ngữ, hình ảnh sóng đôi mang ý nghĩa tượng trưng. c. Cùng chia sẻ mọi gian lao, thiếu thốn Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ. Mỗi tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị, gợi cảm. Chính trong những ngày gian khó, các anh đã trở thành tri kỉ của nhau, để cùng chung nhau cái giá lạnh mùa đông, chia nhau cái khó khăn trong một cuộc sống đầy gian nan. 2. Biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí a. Tình đồng chí của người lính Cách mạng được biểu hiện qua sự thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau Ruộng nương anh gửi bạn thân cày Gian nhà không mặc kệ gió lung lay Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính. Cách nói tế nhị, giàu sức gợi, thủ pháp nhân hóa và hai hình ảnh hoán dụ.	Học sinh nghiên cứu và trả lời câu hỏi phần: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN SGK trang 130 và 131.

	b. Là đồng chí của nhau, họ cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh, ... Thương nhau tay nắm lấy bàn tay! Những chi tiết tả thực, hình ảnh sóng đôi. 3. Biểu tượng của tình đồng chí Đêm nay rừng hoang sương muối Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới Đầu súng trăng treo. Đây là bức tranh đẹp về tình đồng chí, là biểu tượng cao cả về cuộc đời người chiến sĩ. 3. Nội dung và nghệ thuật SGK trang 131.	
	III. LUYỆN TẬP	Học sinh nghiên cứu và thực hiện yêu cầu trong phần: LUYỆN TẬP SGK trang 131.
Bài thơ về tiểu đội xe không kính	I. TÌM HIỂU CHUNG	Học sinh đọc phần Chú thích SGK từ trang 132 đến 133.
	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Hình ảnh những chiếc xe không kính Không có kính không phải vì xe không có kính - Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi Giọng điệu tinh nghịch, vui đùa pha chút ngang tàng. Thu hút người đọc ở cái vẻ lạ, độc đáo, nổi bật trong bài thơ. Những chiếc xe không kính vẫn băng băng ra chiến trường. Biểu lộ thái độ bình thản, chấp nhận gian khó. Không có kính, rồi xe không có đèn, Không có mui xe, thùng xe có xước Tác giả muốn nói về chất thơ của hiện thực, chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, vượt lên thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh. 2. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe: Hiện lên với những phẩm chất cao đẹp a. Đẹp ở tư thế ung dung mà hiên ngang, khí phách Ung dung buồng lái ta ngồi, ... Như sa, như ùa vào buồng lái Biệp pháp nghệ thuật điệp ngữ “như”, nhấn mạnh niềm sáng khoái bất tận, tư thế hiên ngang sẵn sàng	Học sinh nghiên cứu và trả lời câu hỏi phần: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN SGK trang 133.

	vượt qua mọi khó khăn, thử thách. b. Đẹp ở thái độ bất chấp khó khăn, gian khổ, hiểm nguy Không có kính, ừ thì có bụi... Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi. Giọng điệu ngang tàng, nghịch ngợm, cấu trúc lặp: ừ thì, chưa cần. Dường như mọi gian khổ, hiểm nguy của chiến tranh không mấy may ảnh hưởng đến tinh thần của họ trái lại họ xem là một dịp thử sức mạnh và ý chí mình. Bất chấp gian khổ khó khăn để vượt lên hoàn thành nhiệm vụ. c. Đẹp ở tinh thần sôi nổi, vui nhộn, lạc quan của những người lính Những chiếc xe từ trong bom rơi... Chỉ cần trong xe có một trái tim. Biện pháp nghệ thuật hoán dụ, điệp ngữ. Khẳng định khó khăn, gian khổ ngày càng tăng nhưng nhiệm vụ đánh giặc vẫn là trên hết. Không có khó khăn nào, kẻ thù nào cản nổi xe ta đi. Đơn giản vì trong xe có một trái tim của người chiến sĩ lái xe anh hùng. 3. Nội dung và nghệ thuật SGK trang 133.	
	III. LUYỆN TẬP	Học sinh nghiên cứu và thực hiện yêu cầu trong phần: LUYỆN TẬP SGK trang 133.
Đoàn thuyền đánh cá	I. TÌM HIỂU CHUNG	Học sinh đọc phần Chú thích SGK từ trang 141.
	II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1. Cảnh hoàng hôn trên biển và đoàn thuyền đánh cá ra khơi Mặt trời xuống biển như hòn lửa ... Câu hát căng buồm cùng gió khơi. Biện pháp nghệ thuật hoán dụ, so sánh, nhân hoá. Trong đêm tối, đoàn thuyền đánh cá ra khơi với một khí thế hăng hái, vui tươi và mạnh mẽ. Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng ... Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi! Biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, bút pháp lãng mạn. Đó là tiếng hát chan chứa niềm vui của những người dân lao động được làm chủ thiên nhiên, đất nước, công việc yêu thích và gắn bó suốt đời.	Học sinh nghiên cứu và trả lời câu hỏi phần: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN SGK trang 142.

	2. Cảnh đánh cá Thuyền ta lái gió với buồm trăng ... Dàn đan thế trận lưới vây giăng. Biện pháp nghệ thuật so sánh, nhịp điệu khoẻ khoắn, sự tưởng tượng phóng phú, bút pháp lãng mạn. Vẻ đẹp của lao động và người lao động được Huy Cận thể hiện trong khung cảnh kì vĩ tráng lệ của thiên nhiên vùng biển. Cá nhụ cá chim cùng cá đé ... Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long. Sự giàu có, đẹp đẽ của cá biển được tác giả miêu tả hết sức duyên dáng, lấp lánh màu sắc như bức tranh sơn mài trong bể cá khổng lồ. Ta hát bài ca gọi cá vào ... Nuôi lớn đời ta tự buổi nào. Công việc lao động trên biển nguy hiểm, nặng nhọc cũng đã trở thành bài ca nhịp nhàng hòa điệu giữa con người và vũ trụ. Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng ... Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng. Biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, hình ảnh lãng mạn. Cảnh buồm lưới, chờ đợi, ngắm biển đêm, cảnh kéo lưới đều được tác giả hình dung đầy chất thơ. 3. Cảnh đoàn thuyền trở về Câu hát căng buồm với gió khơi ... Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi. Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong bình minh rực rỡ. 4. Nội dung và nghệ thuật SGK trang 142.	
	III. LUYỆN TẬP	Học sinh nghiên cứu và thực hiện yêu cầu trong phần: LUYỆN TẬP SGK trang 142.